

Bản án số: 61/2026/HS-ST  
Ngày: 03-7-2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Nhật.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Trúc và ông Trần Ngọc Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

**Phạm Ngọc T**, sinh năm 1997; Số căn cước công dân: 054098004045; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn B, xã X, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: Thôn C, xã X, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: 12/12. Cha: Phạm Ngọc B, sinh năm 1959. Mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1963. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2025. Bị cáo mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1994; Nơi thường trú: Ấp T, xã X, thành phố Cần Thơ; Nơi ở: Khu phố L, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vòng Kim Y, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt tại phiên tòa.

*Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1984; Nơi cư trú: đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Chu Đức Đông, sinh năm 1970; Nơi cư trú: đường V, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, Phạm Ngọc T chuẩn bị 01 con dao rọc giấy, 01 cuộn băng keo để chiếm đoạt tài sản của gái bán dâm. Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 17/12/2025, T liên hệ đặt vấn đề mua bán dâm với Trần Thị Th thì Th đồng ý và hẹn T tại nhà nghỉ S ở địa chỉ đường V, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 60B4-963.n từ thôn C, xã X, tỉnh Đắk Lắk đến gửi xe tại Bệnh viện đa khoa Phú Yên rồi đi bộ đến nhà nghỉ S thuê phòng số 103, nhắn tin số phòng cho Th biết. Khoảng 13 giờ 25 phút cùng ngày, Th đến nhà nghỉ gặp T tại phòng 103. Th đề nghị T chuyển tiền mua bán dâm trước, thì T sử dụng số tài khoản 1017n ngân hàng Vietcombank của T chuyển số tiền 500.000 đồng vào số tài khoản 1057n ngân hàng Vietcombank của Trần Thị Th. Lúc này, T nhìn thấy trong tài khoản của Th có khoảng 79.000.000 đồng nên T dùng tay phải ôm bụng, tay trái cầm dao rọc giấy kề cổ đe dọa chị Th và dùng băng keo trói tay, chân của Th lại, tiếp đó T yêu cầu Th chuyển số tiền 40.000.000 đồng và tài khoản ngân hàng của T. Do mất khả năng chống đỡ nên Th sử dụng tài khoản số 1057n ngân hàng Vietcombank của Th chuyển số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản số 1017n ngân hàng Vietcombank của T. Sau khi nhận được tiền, T mở cửa phòng bỏ chạy xuống tầng trệt nhà nghỉ, Th tri hô nên T bị người dân và nhân viên lễ tân phát hiện, bắt quả tang tại sảnh nhà nghỉ. Lúc này, Th yêu cầu T phải chuyển trả lại tiền vào tài khoản cho Th, T đã thực hiện chuyển khoản số tiền đã chiếm đoạt 40.000.000 đồng trả lại cho Th.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSKV11 ngày 11/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Cướp tài sản”. Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt **tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/12/2025. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo nộp để khắc phục hậu quả (theo biên lai thu tiền số 0000694 ngày 26/3/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11-Đắk Lắk).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao (loại rọc giấy), phần tay cầm bằng kim loại được bọc nhựa, màu đỏ - đen, dài 14 cm, rộng 3,7 cm; phần lưỡi có một cạnh sắc, mũi nhọn, dài 10 cm, rộng 1,8 cm; 01 khẩu trang y tế, màu xanh, hiệu “JAMA PRO”; 02 miếng

băng keo trong xếp chồng lên nhau; 01 cuộn băng keo trong, hiệu “Angel”, kích thước (10,3 x 4 x 6) cm; 04 đoạn băng keo trong, dính, quấn chặt với nhau: là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. Tịch sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11, màu đen (đã qua sử dụng). Trả lại cho bị cáo: 01 ví da, màu nâu, trên ví có chữ “GIORGIO ARMANI” (đã qua sử dụng); 01 căn cước công dân số 054097004045, đứng tên Phạm Ngọc T; 01 giấy phép lái xe số 750166016631, đứng tên Phạm Ngọc T và số tiền 230.000 đồng (đã nộp vào tài khoản của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk tại Phòng nghiệp vụ 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ 25 phút ngày 17/12/2025, tại Nhà nghỉ S, địa chỉ đường V, phường T, tỉnh Đắk Lắk, Phạm Ngọc T đã có hành vi dùng dao rọc giấy đe dọa và dùng băng keo trói tay, chân Trần Thị Th rồi chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng của Th thì bị phát hiện bắt quả tang.

Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự nên cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk truy tố bị cáo và luận tội của kiểm sát viên tại phiên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người bị hại trái pháp luật, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện đóng khắc phục hậu quả số tiền 1.000.000 đồng; Bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và ngay sau khi thực hiện hành vi, bị cáo đã chuyển trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; giữa bị cáo và bị hại có quan hệ tình cảm nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà phấn đấu cải tạo, sớm trở thành công dân tốt.

Bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với số tiền 1.000.000 đồng mà bị cáo đã đóng khắc phục hậu quả tại biên lai thu tiền số 0000694 ngày 26/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk: Tại phiên toà, bị cáo trình bày đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả số tiền này để bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại, đây là sự tự nguyện phù hợp theo quy định của pháp luật nên giao cho bị hại.

[5] Về vật chứng của vụ án: Hội đồng xét xử thống nhất xử lý như đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T: **04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 17/12/2025.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao (loại rọc giấy), phần tay cầm bằng kim loại được bọc nhựa, màu đỏ - đen, dài 14 cm, rộng 3,7 cm, phần lưỡi có một cạnh sắc, mũi nhọn, dài 10 cm, rộng 1,8 cm; 01 (Một) khẩu trang y tế, màu xanh, hiệu “JAMA PRO”; 01 (Một) Hai miếng băng keo trong xếp chồng lên nhau; 01 (Một) cuộn băng keo trong, hiệu “Angel”, kích thước (10,3x4x6)cm; 01 (Một) bốn đoạn băng keo trong, dính, quấn chặt với nhau.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11, màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo Phạm Ngọc T vì liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) ví da, màu nâu, trên ví có chữ “GIORGIO ARMANI” (đã qua sử dụng); 01 (một) căn cước công dân số 054097004045 tên Phạm Ngọc T; 01 (một) Giấy phép lái xe số 750166016631 tên Phạm Ngọc T; số tiền 230.000 đồng tại giấy uỷ nhiệm chi chuyển khoản số 23 ngày 15/5/2026 vào tài khoản tạm giữ Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

*Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21/5/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đắk Lắk.*

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo: Bị hại Trần Thị Th được nhận số tiền 1.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000694 ngày 26/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk đối với khoản bồi thường tổn thất tinh thần.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- PC 02 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- PV 06 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Nhật**